

## QUYẾT ĐỊNH

### **Quy định chính sách hưởng lợi khi khai thác chính và tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1873/TTr-SNNPTNT ngày 15 tháng 10 năm 2019.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này quy định về chính sách hưởng lợi khi khai thác chính và tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng (sau đây viết chung là khai thác) thuộc các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách gồm dự án 327 và dự án 661.

2. Chính sách hưởng lợi khác không quy định tại Khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp.
2. Chủ rừng (theo quy định tại Điều 8 Luật Lâm nghiệp).
3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nhận giao khoán rừng để quản lý, bảo vệ rừng đối với các dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

### **Điều 3. Xác định nguồn thu để phân chia cho các đối tượng hưởng lợi**

Nguồn thu để phân chia cho các đối tượng hưởng lợi (sau đây viết chung là nguồn thu) là giá trị lâm sản hợp pháp thu được từ khai thác rừng trồng sau khi trừ đi chi phí sản xuất (gồm chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp) và các khoản thuế, phí phải nộp theo quy định.

#### **Điều 4. Chính sách hưởng lợi**

1. Hưởng lợi từ rừng phòng hộ, sản xuất không có giao khoán.

Chủ rừng được hưởng lợi từ rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Lâm nghiệp.

2. Hưởng lợi rừng sản xuất có thực hiện giao khoán.

Trường hợp chủ rừng có thực hiện giao khoán cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng (từ thời điểm kết thúc đầu tư xây dựng cơ bản cho đến khi khai thác) trên diện tích rừng đã được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách gồm dự án 327, dự án 661 khi khai thác rừng được áp dụng chính sách hưởng lợi như sau:

a) Trường hợp bên nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng đã nhận chi trả tiền quản lý bảo vệ hàng năm:

- Bên nhận khoán được hưởng 12% nguồn thu.

- Chủ rừng được hưởng 88% nguồn thu và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước và phải trồng lại rừng vào thời vụ sớm nhất ngay sau khi hoàn thành việc khai thác.

b) Trường hợp bên nhận khoán quản lý, bảo vệ rừng không nhận tiền quản lý bảo vệ hàng năm:

- Bên nhận khoán được hưởng 15% nguồn thu.

- Chủ rừng được hưởng 85% nguồn thu và có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của Nhà nước và phải trồng lại rừng vào thời vụ sớm nhất ngay sau khi hoàn thành việc khai thác.

3. Hưởng lợi từ rừng phòng hộ, sản xuất có thực hiện giao khoán cho bên nhận khoán không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này thì được hưởng lợi trên diện tích khoán theo quy định của Luật Lâm nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

#### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2019 và thay thế Quyết định số 72/2018/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chính sách hưởng lợi khi khai thác chính và tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng thuộc nguồn vốn ngân sách đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

#### **Điều 6. Trách nhiệm thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trong phạm vi trách nhiệm quyền hạn được giao chỉ đạo, hướng dẫn chủ rừng và tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chính sách hưởng lợi từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật về lâm nghiệp và theo quy định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 6;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Phương**